

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC LINH
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: **59** /2023/DS-ST
Ngày: 26-7-2023
v/v: Tranh chấp nghĩa vụ trả tiền

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH, TỈNH BÌNH THUẬN**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thái

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Xuân Trường;
2. Ông Nguyễn Văn Thiện.

-Thư ký phiên tòa: Nguyễn Thị Kim Hà- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Ông Cao Quốc Thuận- Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 7 năm 2023, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Đức Linh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 99/2023/TLST- DS, ngày 4/5/2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 124/2023/QĐXXST-DS ngày 15/6/2023 Quyết định hoãn phiên tòa số 83/2023/QĐST-DS, ngày 5/7/2023; giữa:

1. *Nguyên đơn:* Ông **Huỳnh Văn T**, sinh năm 1966 và bà **Lê Thị Kim Q**, sinh năm 1967

Địa chỉ: Số 162 đường BA, khu phố Z, thị trấn DT, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

Đại diện theo ủy quyền của bà Lê Thị kim Q: **Ông Huỳnh Văn T**. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Bà **Nguyễn Thị Hồng P**, sinh năm 1970. Có mặt.

Địa chỉ: Số 105 đường X, thôn F, xã ĐH, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 24/4/2023 cùng các tài liệu, chứng cứ kèm theo, bản khai, trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa nguyên đơn trình bày: Từ năm 2016 đến tháng 12/2017 ông Huỳnh Văn T, bà Lê Thị Kim Q là đại lý thức ăn gia súc, có bán cám cho bà Nguyễn Thị Hồng P. Trong quá trình mua bán bà P còn nợ ông T, bà Q số tiền 14.000.000 đồng. Ngày 13/12/2021, bà P có trả được số tiền 2.000.000 đồng, còn lại 12.000.000 đồng từ đó đến nay bà P chưa trả, mặc dù ông T, bà Quyền có yêu cầu bà P trả nhiều lần. Nay nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền cám còn nợ là 12.000.000 đồng; tiền lãi chậm thanh toán, với mức lãi 0,83%/tháng từ ngày 13/12/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm tính trên nợ gốc 12.000.000 đồng; đồng thời tiếp tục tính lãi theo quy định của pháp luật kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án, cho đến khi thi hành án xong.

Chứng cứ do nguyên đơn đưa ra là 01 giấy ghi nợ có ghi tên của bà Nguyễn Thị Hồng và chứng từ việc mua bán cám, số tiền cám, số tiền đã trả, số tiền còn nợ.

Tại phiên tòa bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng P trình bày: Việc bà P mua cám và còn nợ lại ông T, bà Q là đúng như lời ông T trình bày. Nay bà P xin được miễn trả lãi, bà P xin được trả tiền gốc 12.000.000 đồng, nhưng trả góp, mỗi tháng 1.000.000 đồng.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát:

Về phần thủ tục: Thẩm phán thụ lý hồ sơ, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

Các đương sự tuân thủ các quy định khi tham gia tố tụng.

Về nội dung vụ án: Căn cứ chứng cứ có trong hồ sơ và kết quả tranh tụng tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát có ý kiến (như bài bài biểu lưu trong hồ sơ). Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn trả lại cho nguyên đơn tiền gốc và lãi theo yêu cầu khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về phần thủ tục: Khởi kiện của nguyên đơn thuộc thẩm quyền thụ lý giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp, áp dụng pháp luật để giải quyết quan hệ tranh chấp: Căn cứ vào nội dung vụ án và đơn khởi kiện, Tòa án xác định đây là tranh chấp nghĩa vụ trả tiền theo Điều 440 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là yêu cầu bà Nguyễn Thị Hồng P trả nợ tiền cầm 12.000.000 đồng là có căn cứ, bởi nguyên đơn có đưa ra chứng từ sổ theo dõi việc mua bán cầm giữa hai bên, trong giấy có chữ ký và ghi tên Nguyễn Thị Hồng P, thể hiện bà P có mua cầm và còn nợ lại nguyên đơn 12.000.000 đồng. Nội dung này Tòa án có thông báo cho bà P biết, nhưng đến nay bà P cũng không có ý kiến phản đối gì. Do đó, cần buộc bà P trả cho ông T, bà Q số tiền 12.000.000 đồng là phù hợp Điều 430, 440 của Bộ Luật Dân sự năm 2015.

[4] Về tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ: Trong quá trình tố tụng nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thực hiện việc trả lãi do chậm thanh toán, với mức lãi 0,83%/tháng tương ứng số tiền chậm thanh toán là có căn cứ. Bởi lần gút nợ cuối cùng vào ngày 13/12/2021, bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền cầm là 12.000.000 đồng, trong giấy gút nợ này các bên không thỏa thuận thời hạn trả. Do đó, căn cứ Điều 357 Bộ luật Dân sự để buộc bị đơn trả lãi theo như yêu cầu của nguyên đơn là kể từ ngày tiếp theo của ngày gút nợ, theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự. Cụ thể tiền lãi tính như sau: Từ ngày 14/12/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm 26/7/2023 = 01 năm 7 tháng 12 ngày = 19 tháng 12 ngày, số tiền gốc căn cứ tính lãi là 12.000.000 đồng;

$12.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\% \times (19 \text{ tháng} + \frac{12}{30}) = 1.932.000 \text{ đồng}$ (đã làm tròn số).

[5]. Việc bị đơn yêu cầu được miễn trả lãi và chỉ trả gốc, mỗi tháng 1.000.000 đồng, nhưng nguyên đơn không chấp nhận, nên không thể xem xét theo yêu cầu của bà P được.

[6] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

[7] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 357, Điều 430, khoản 3 Điều 440, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Buộc bà Nguyễn Thị Hồng P phải trả cho ông Huỳnh Văn T và bà Lê Thị Kim Q số tiền 13.932.000 đồng (trong đó tiền gốc 12.000.000 đồng, tiền lãi 1.932.000 đồng).

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bà Nguyễn Thị Hồng P còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí: bà Nguyễn Thị Hồng P phải chịu 696.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Ông Huỳnh Văn T và bà Lê Thị Kim Q không phải chịu án phí, trả lại cho ông T, bà Q 473.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0015046, ngày 4/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Linh.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày tuyên án: 26/7/2023, để Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM:

Các Hội thẩm nhân dân:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Phạm Xuân Trường

Nguyễn Văn Thiện

Nguyễn Văn Thái

Nơi nhận:

- VKSND huyện;
- THADS huyện;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Thái